

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ HOÀI NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 26/2024/HS-ST
Ngày 15-3-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HOÀI NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Minh Đung

Ông Trần Nhật Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 16/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh ngày 07 tháng 02 năm 1986, nơi cư trú: Khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Làm gỗ; trình độ học vấn: 11/12, dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T1, sinh năm 1951 và bà Võ Thị T2, sinh năm 1952; vợ: Phan Thị L, sinh năm 1988, con: Có 02 con sinh năm 2014 và 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Lê Thị T3, sinh năm 1994, địa chỉ: Tổ T, khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Bà Lương Thị H, sinh năm 1954, địa chỉ: Tổ C, Khu phố C, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Vắng mặt)

+ Bà Hồ Thị Oanh V, sinh năm 1968, địa chỉ: Tổ T, khu phố T, phường T, thị xã H, tỉnh Bình Định. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 20/11/2023, **Trần Ngọc T** đi bán chim ở khu vực phía sau nhà bà **Lê Thị T3** và nảy sinh ý định vào nhà bà **T3** để trộm cắp tài sản. **Trần Ngọc T** đi vào nhà tìm kiếm, mở cửa tủ đựng quần áo trong phòng ngủ, lục lấy trong ví da nữ màu đỏ của bà **T3** 01 đôi bông tai bằng vàng, 01 sợi dây chuyền bằng vàng, 01 mặt dây chuyền bằng vàng hình chữ “C” đan xen ngược nhau, 01 sợi dây chuyền mắc xích bằng vàng, 01 nhẫn gắn mặt hình trái tim bằng vàng, 02 nhẫn cưới bằng vàng, 01 chiếc cong bằng vàng rồi giấu vào túi áo khoác, nhanh chóng tẩu thoát. Khoảng 14 giờ ngày 21/11/2023, **T** điều khiển xe mô tô biển số 77F3- 1476 mang theo số tài sản đã chiếm đoạt được đến **tiệm V1** bán cho bà **Lương Thị H** 01 sợi dây chuyền bằng vàng, 01 nhẫn gắn mặt hình trái tim bằng vàng được 5.420.000 đồng. **T** tiếp tục điều khiển xe mô tô đến **tiệm V2** bán cho bà **Hồ Thị O** Vũ 01 chiếc cong bằng vàng được 4.200.000 đồng. Số tài sản còn lại gồm: 01 đôi bông tai bằng vàng, 01 mặt dây chuyền bằng vàng hình chữ “C” đan xen ngược nhau, 01 sợi dây chuyền bằng vàng, dạng mắc xích, **T** cất giấu tại xưởng gỗ của mình. Riêng 02 nhẫn cưới bằng vàng đã bị rơi mất trong lúc **T** mang đi bán, Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã H** đã truy tìm nhưng thu giữ được.

Theo các Kết luận định giá tài sản số 144/HĐĐGTS ngày 11/12/2023 và số 08/HĐĐGTS ngày 16/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **thị xã H**: Các tài sản do **Trần Ngọc T** trộm cắp của bà **Lê Thị T3** có tổng trị giá là 19.588.000 đồng.

Về việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã H** đã tạm giữ số vàng còn lại và đã trả lại cho bị hại **Lê Thị T3**. Thu giữ 01 thẻ nhớ từ bà **Lương Thị H** và 01 USB từ bà **Hồ Thị Oanh V** lưu trữ các đoạn video về việc **Trần Ngọc T** bán số vàng trộm cắp được.

Về trách nhiệm dân sự: **Trần Ngọc T** đã bồi thường cho bà **Lê Thị T3** 16.124.000 đồng, bà **T3** không có yêu cầu gì thêm.

Tại Bản Cáo trạng số 20/CT-VKS ngày 02/02/2024, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định truy tố **Trần Ngọc T** về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Ngọc T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Bị hại bà **Lê Thị T3** trình bày: Đã nhận lại số vàng bị bị cáo **T** trộm nhưng chưa kịp bán và đã nhận 16.124.000 đồng tiền bồi thường từ bị cáo **T**. Bà không có yêu cầu gì khác và không đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà **Hồ Thị O V** trình bày: Bà đã mua vàng của bị cáo **T**, sau khi mua đã nung chảy chung với vàng khác và bán cho công ty ở Thành phố Hồ Chí Minh. Khi mua bà không biết đây là vàng bị cáo **T** trộm cắp mà có vì bị cáo **T** nói là đổi vàng cho vợ sau không đủ tiền nên bán. Bà không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Theo hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà **Lương Thị H** trình bày: Bà đã mua vàng của bị cáo **T**, sau đó đã nung chảy thành khối để bán cho khách hàng ở Thành phố Hồ Chí Minh. Khi mua bà không biết đây là vàng bị cáo **T** trộm cắp mà có.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa luận tội và tranh luận, giữ nguyên cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc T** phạm tội Trộm cắp tài sản và đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Trần Ngọc T** từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18-24 tháng.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức được việc làm sai trái của bản thân, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo, bị hại, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà **Lương Thị H** đã có lời khai, lời trình bày, sự vắng mặt của bà **H** không gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Ngọc T** khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 20/11/2023, tại **khu phố P, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định**, **Trần Ngọc T** đã trộm cắp tài sản của bà **Lê Thị T3** có tổng giá trị 19.588.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định truy tố bị cáo **Trần Ngọc T** về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có

căn cứ, đúng người đúng tội.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất ổn định về an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ nhận thức, biết rõ trộm cắp tài sản là hành vi phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức xem thường, không chấp hành pháp luật. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo bằng pháp luật hình sự để răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung tội phạm.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, đã từng tham gia nghĩa vụ quân sự được tặng giấy khen; gia đình bị cáo là gia đình có công với cách mạng. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy, không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù do bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cho bị cáo **T** được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cho bị cáo và bị cáo thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo qui định của Luật thi hành án hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho bị hại, tại phiên tòa, bị hại không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thị xã H** đã trả lại cho chủ sở hữu, không ai có tranh chấp hay yêu cầu gì nên không xét. Lưu hồ sơ vụ án 01 USB hiệu Toshiba dung lượng 2GB của bà **Hồ Thị Oanh V** và 01 thẻ nhớ SanDisk màu đen dung lượng 16GB của bà **Lương Thị H**.

[9] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định đề nghị áp dụng pháp luật, mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Về án phí án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo **T** phải chịu 200.000 đồng.

[11] Bà **Lương Thị H** và bà **Hồ Thị O V** không biết số vàng bị cáo **Trần Ngọc T** bán do trộm cắp mà có nên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào các điều 135, 136, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Trần Ngọc T** phạm tội Trộm cắp tài sản.
2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Trần Ngọc T** 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 15 tháng 3 năm 2024.

Giao bị cáo **Trần Ngọc T** cho Ủy ban nhân dân phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.
4. Về án phí: Bị cáo **Trần Ngọc T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.
5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- VKSND thị xã Hoài Nhơn;
- VKSND tỉnh Bình Định;
- CQ CSĐT Công an thị xã Hoài Nhơn;
- CQ THAHS Công an thị xã Hoài Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Hoàng